

MẪU CBTT-03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Mã CK: VC5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý III năm 2009

I. A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến dịch vụ)

Số TT	Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	100		450,056,175,338	484,863,893,252
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,516,548,293	34,684,757,833
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V. 01	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121,311,065,669	153,909,505,867
4	Hàng tồn kho	140		311,580,402,050	294,235,802,444
5	Tài sản ngắn hạn khác	150		6,648,159,326	2,033,827,108
II	Tài sản dài hạn	200		31,855,902,864	32,316,582,534
1	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
2	Tài sản cố định	220		29,077,623,495	29,372,633,640
	- Tài sản cố định hữu hình	221	V. 04	27,089,376,939	27,384,387,084
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Tài sản cố định vô hình	227	V. 05	600,000,000	600,000,000
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V. 06	1,388,246,556	1,388,246,556
3	Bất động sản đầu tư	240		0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V. 07	550,116,354	550,116,354
5	Tài sản dài hạn khác	260	V. 08	2,228,163,015	2,393,832,540
III	Tổng cộng tài sản	270		481,912,078,202	517,180,475,786
IV	Nợ phải trả	300		399,228,707,841	431,177,253,168
1	Nợ ngắn hạn	310		389,771,931,940	422,188,658,467
2	Nợ dài hạn	330		9,456,775,901	8,988,594,701
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		82,683,370,361	86,003,222,618
1	Vốn chủ sở hữu	410	V. 15	77,230,352,432	80,716,283,089
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	412		9,828,000,000	9,828,000,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0

	- Cổ phiếu quỹ	414		0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
	- Các quỹ	417		12,907,796,556	11,359,623,497
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,494,555,876	7,980,486,533
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5,453,017,929	5,286,939,529
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5,453,017,929	5,286,939,529
	- Nguồn kinh phí	432	22	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
VI	Tổng cộng nguồn vốn			481,912,078,202	517,180,475,786

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (QUÝ III/2009)*(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	129,523,030,627	355,230,942,926
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp D.vụ	10	129,523,030,627	355,230,942,926
4	Giá vốn hàng bán	11	120,370,781,735	331,710,584,968
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9,152,248,892	23,520,357,958
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	737,843,653	1,272,697,823
7	Chi phí tài chính	22	2,370,718,360	8,202,804,766
8	Chi phí bán hàng	24	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,535,453,434	7,502,119,660
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3,983,920,751	9,088,131,355
11	Thu nhập khác	31	0	32,424,683
12	Chi phí khác	32	0	0
13	Lợi nhuận khác	40	0	32,424,683
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	3,983,920,751	9,120,556,038
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành 25% (được giảm 50%)	51	497,990,094	1,140,069,505
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3,485,930,657	7,980,486,533
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	697	1,596

Hà nội, ngày 12 tháng 10 năm 2009**NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC CÔNG TY***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***MAI VĂN SƠN****LÊ THANH GIÊNG****TRẦN DUY BÁU**